

Bản án số: 238/2021/HS-PT

Ngày: 29/4/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*

Ông Lê Phước Thanh

*Các thẩm phán:*

Ông Lê Tự

Ông Nguyễn Xuân Điền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Xuân Ân, Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 200/2021/TLPT-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn T cùng đồng bọn, về tội “*Giết người*”, “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” và “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 04/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1022/2021/QĐXXPT-HS ngày 31 tháng 3 năm 2021.

**- Bị cáo kháng cáo:**

**1. Nguyễn T** (*Tên gọi khác T Cu*), sinh ngày 10/01/1989, tại tỉnh Quảng Ngãi; NĐKNKTT: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đ và bà Trần Thị K; có vợ Phạm Thị K T và 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 10/6/2019; có mặt.

**2. Nguyễn Đông H** (*Tên gọi khác H T*), sinh ngày 20/12/1987, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T và bà Phạm Thị M; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: 03 tiền án về tội “*Cố ý gây thương tích*”; bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2019; có mặt.

**3. Nguyễn Trung N** (*Tên gọi khác N Mập*), sinh ngày 19/7/2001, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Nguyễn D và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 25/5/2019; có mặt.

**4. Nguyễn N T** (*Tên gọi khác T Chen*), sinh ngày 27/9/2000, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn N D (chết) và bà Nguyễn Thị Thu H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ 10/6/2019; có mặt.

**5. Nguyễn Lê Thanh B** (*Tên gọi khác B*), sinh ngày 25/4/2000, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh D và bà Lê Thị Ngân T; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam 17/7/2019; có mặt.

**6. Huỳnh Anh T** (*Tên gọi khác B*), sinh ngày 02/02/1993, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Đỗ S và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2019; có mặt.

**7. Hồ Quý L** (*Tên gọi khác L Heo*), sinh ngày 24/8/1993, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn Đ và bà Lê Thị T; có vợ Nguyễn Hồng Khánh L và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/7/2019 cho đến ngày 11/12/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, bị cáo tại ngoại; có mặt.

**8. Huỳnh Công T1**, sinh ngày 25/7/2004, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Minh T và bà Trần Thị D; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2019 cho đến ngày 11/9/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, bị cáo tại ngoại; có mặt.

- **Người đại diện hợp pháp của bị cáo Huỳnh Công T1:** Bà Trần Thị D, sinh năm 1963; vắng mặt.

Trú tại: hành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

- **Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Nguyễn T và bị cáo Nguyễn Đông H:** Ông Từ Văn Q và ông Phạm T - Luật sư văn phòng luật sư H – Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- **Người bào chữa theo luật định cho bị cáo Nguyễn Trung N và bị cáo Huỳnh Công T1:** Ông Nguyễn Công T - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- **Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Hồ Quý L:** Bà Nguyễn Thị Bích T- Luật sư Văn phòng Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi. có mặt.

- **Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Huỳnh Anh T:** Ông Thiệu Quang V - Luật sư Văn phòng Luật sư Q, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- **Người bào chữa theo luật định cho bị cáo Nguyễn Lê Thanh B:** Bà Bùi Thị S - Luật sư Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- **Người bào chữa theo luật định cho bị cáo Nguyễn N T:** Ông Trịnh Văn Hương - Luật sư Văn phòng Luật sư Quang T2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- **Người bị hại:** Anh Phạm Hồng Đ (*Tên gọi khác: Nhí Đ*), sinh năm 1987. Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Chỗ ở hiện nay: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Nguyễn Thành T2 (*Tên gọi khác: T2 Bọm*), sinh năm 1990; trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

+ Anh Trương Quang H (*Tên gọi khác: H Chuột*), sinh năm 1993; trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

+ Chị Lê Thị Bích H, sinh năm 1995. NĐKNKTT: tỉnh Quảng Ngãi; trú tại: tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

+ Anh Huỳnh Kim T4 (*Tên gọi khác: T*), sinh ngày 30/4/2002; trú tại: tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

+ Chị Trần Thị N, sinh ngày 10/3/1991; trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Chỗ ở hiện nay: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

+ Bà Trần Thị K, sinh năm 1958; trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị K T, sinh năm 1989; trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

+ Ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1963.

Trú tại: tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

+ Ông Huỳnh Đỗ S, sinh năm 1966; trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn T, sinh năm 1964; trú tại: tỉnh Quảng Ngãi; Bà Phạm Thị M, sinh năm 1965 (*mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Đông H*); vắng mặt.

+ Bà Lê Thị Ngân T, sinh năm 1977; trú tại: t.p Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn N D, sinh năm 1982; trú tại: , thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1975; trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

+ Bà Trần Thị D, sinh năm 1963; trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn D, sinh năm 1973; trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa; nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 03/5/2019, 03 đối tượng trong nhóm Nguyễn T gồm: Nguyễn Trung N; Nguyễn N T; Nguyễn Công Đ điều khiển xe mô tô hiệu Airblade, biển số 76U1-112.99 đi trên đường Q, TP. Quảng Ngãi thì gặp Phạm Hồng Đ

tại ngã tư P - Q. N, Đ và T cho rằng Đ nhìn chúng trùng nên quay xe lại áp sát xe của Đ, N dùng chân đạp vào xe của Đ, làm xe Đ ngã, N xuống xe xông tới dùng tay chân đánh vào người Đ, Đ bỏ chạy, N lấy 01 dao phay trong cốp xe, cả ba ví theo Đ nhưng Đ đã kịp chạy thoát.

Bực tức vì bị đánh, Phạm Hồng Đ về nhà tại số 01 T, TP. Quảng Ngãi, lấy khẩu súng Rulo rồi đến quán Karaoke N ở đường T, TP. Quảng Ngãi nhờ Bùi V Thiên L chở Đ đi công việc. Khi đến đường T thì Đ bảo L đứng đợi, còn Đ cầm súng đi bộ đến nhà Nguyễn T để tìm các đối tượng đã đánh Đ. Lúc này, tại nhà Nguyễn T có Nguyễn Lê Thanh B; Huỳnh Anh T; Huỳnh Công T1. Khi B đi tiểu bên hông nhà T thì bị Đ dùng chân đạp ngã và hỏi thẳng mập đầu (*tức hỏi Nguyễn Trung N*), B nói không biết, Đ chìa súng đe dọa thì B la lên, T và T1 trong nhà T chạy ra thấy Đ cầm súng nên cùng la lên, T ở trên lầu nghe, mở cửa nhìn xuống thấy Đ cầm súng nên chạy xuống nhưng Đ đã bỏ đi. T điện thoại cho Phạm Hồng Đ hỏi lý do tại sao cầm súng đến nhà T và hai bên cãi vã.

Lúc này, Huỳnh Anh T điện thoại cho Hồ Quý L nói Đ cầm súng đến nhà T, T bảo L đến nhà T có việc gấp, L nói không có xe nên T bảo Huỳnh Công T1 đi chở L đến nhà T. Nguyễn T bảo Phạm Thị K T (*vợ của T*) gọi điện cho anh em của T đến nhà, T gọi điện thoại cho Hồ Quý L và Nguyễn Thành T2 nói Đ cầm súng đến nhà, T bảo L và T2 đến. Nguyễn T điện thoại cho Nguyễn Đông H nói Đ cầm súng đến nhà T, T bảo H đến nhà T có việc. Khoảng 10 phút sau thì H, T2, Hồ N Thuận, Nguyễn Thanh P, Đỗ Quốc T, Trần Bảo Đ đến nhà T.

Tại nhà Nguyễn T, T bảo các đối tượng trong nhóm của mình đi tìm Phạm Hồng Đ để hỏi lý do Đ cầm súng đến nhà T. Khi nghe T chỉ đạo thì Huỳnh Anh T chở Nguyễn Đông H, H cầm theo 01 cây rựa; Nguyễn Thanh P chở Đỗ Quốc T và Trần Bảo Đ, T cầm 01 cây rựa, Đ cầm 02 dao phay đi tìm Phạm Hồng Đ, Nguyễn Lê Thanh B lên gác thay đồ thì các đối tượng đã đi nên B ở nhà. Khi đi đến đường Phan Đình Phùng thì gặp Huỳnh Công T1 chở Hồ Quý L, T nói đi tìm Đ nên T1 và L cùng đi. Cả nhóm đến số nhà 01 T, TP Quảng Ngãi để tìm Đ nhưng cửa cổng khóa, H dùng rựa chặt bung ổ khóa cùng với T1, L vào nhà tìm nhưng không thấy ai, nên T, H, T1, L về lại nhà T (*riêng P, T và Đ đi về nhà P*). Trong lúc H và các đối tượng đi tìm Đ thì Nguyễn Lê Thanh B điện thoại cho Nguyễn Trung N nói Đ cầm súng đến nhà, B bảo N, Đ, T về nhà T.

Khi về nhà T, N kể lại cho T nghe việc N, Đ, T đánh Phạm Hồng Đ tại đường Q. T gọi điện cho Phạm Hồng Đ hỏi lý do tại sao cầm súng đến nhà T thì 2 bên tiếp tục cãi vã, thách thức nhau, Đ tắt máy. T tiếp tục gọi lại nhiều lần nhưng Đ không nghe máy nên T đưa số điện thoại của Đ cho N, và bảo N gọi cho Đ, N mở loa ngoài cho T và cả nhóm cùng nghe. N tự xưng là người đã đánh Đ ở Q và thách thức Đ, Đ hẹn N gặp nhau tại Quảng Trường để “*ăn thua*” (*đánh chém nhau*), N đồng ý và nói đợi N xuống.

Sau khi hẹn chém với nhóm của T thì Phạm Hồng Đ nhờ Bùi V Thiên L chở xuống Quảng Trường, Đ cầm theo 01 khẩu súng loại Rulo, trên đường đi thì gặp V (*quen biết ngoài xã hội với Đ và L, nhà ở phường Trương Quang T4 nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể*), Đ nói đi xuống Quảng Trường có việc thì V cùng đi với Đ và L. Còn đối với nhóm Nguyễn T: Sau khi T nghe N và Đ hẹn đánh chém nhau tại Quảng Trường thì T bảo nhóm của mình đi đến Quảng Trường chém Đ. Các

đôi tượng trong nhóm T nghe vậy nên lấy hung khí, phương tiện cùng đi xuống Quảng Trường để đánh chém Đ, lúc này, khoảng 01 giờ 15 phút rạng sáng ngày 04/5/2019. Khi đi gồm:

- Huỳnh Công T1 điều khiển xe mô tô hiệu Vision, biển số 76B1-170.80 chở Hồ Quý L cầm 01 cây kiếm cá sấu.

- Huỳnh Anh T điều khiển xe mô tô hiệu Airblade, màu vàng đen, biển số 76U1-112.99 chở Nguyễn Đông H cầm 01 khẩu súng K59.

- Nguyễn N T điều khiển xe mô tô hiệu Libety màu xám, không rõ biển kiểm soát chở Nguyễn Trung N, T mang theo 02 dao phay để ở trước gác chân, N cầm 01 cây rựa.

- Nguyễn Lê Thanh B điều khiển xe mô tô 76B1-429.73 hiệu Vision, màu đen chở Nguyễn Công Đ cầm 01 cây rựa và 01 dao phay.

Tại Quảng Trường, Huỳnh Công T1 chở Hồ Quý L đi đến đường T thì gặp Bùi V Thiên L chở Phạm Hồng Đ và V đi một mình. Khi gặp L thì Đ nói không muốn ăn thua với L và bảo L đi về, rồi Đ đi lên đường C, còn V thì rẽ lên đường Nguyễn Năng Lự. Lúc này, Huỳnh Anh T chở Nguyễn Đông H cũng đến chỗ của T1 và L, khi H xuống xe thì Đ dùng súng Rulo bắn về phía nhóm của H đang đứng 01 phút, H dùng súng K59 bắn lại về phía nhóm của Đ 01 phút nhưng không bên nào bị trúng đạn. Huỳnh Công T1 điều khiển xe chở Hồ Quý L đuổi theo V trên đường Nguyễn Năng Lự nhưng không kịp, T1 và L quay xe lại đường T. Khi thấy nhóm của T, Bùi V Thiên L bảo Đ lên xe L chở đi nhưng Đ không lên, L bỏ chạy một mình, còn Đ ở lại. Lúc này, Nguyễn N T, Nguyễn Trung N, Nguyễn Lê Thanh B và Nguyễn Công Đ đang đứng ở cột cờ Quảng Trường nghe tiếng súng nổ phía khách sạn N nên chạy vào đường T thì gặp Nguyễn Đông H, Huỳnh Anh T, Huỳnh Công T1, Hồ Quý L. N xuống xe thấy H sửa súng K59, còn Nguyễn Lê Thanh B chở Nguyễn Công Đ, Nguyễn N T đuổi ví theo Đ chạy bộ trên đường C, Đ rẽ qua đường L thì T, B, Đ đuổi kịp chặn lại, Đ chạy quay lại thì T dùng dao phay tổ Đ nhưng không trúng. Đ chạy rẽ qua đường C (hướng ra đường Nguyễn Nghiêm). Lúc này H sửa súng xong, T điều khiển xe chở H ngồi giữa cầm súng, N ngồi sau cầm rựa, T1 chở L đi sau cùng đuổi ví Đ trên đường C; khi đến ngã ba L và C thì L nói với T1 đi về, T1 chở L rẽ theo đường L về lại nhà T. Huỳnh Anh T chở Nguyễn Đông H và Nguyễn Trung N, Nguyễn Lê Thanh B chở Nguyễn Công Đ, Nguyễn N T (*đi một mình*) đuổi kịp Đ đến trước Trung tâm S Fitness trên đường C, Đ đang cầm súng chạy bộ trên vỉa hè, Nguyễn Công Đ nhảy xuống xe 01 tay cầm dao phay, 01 tay cầm rựa chém nhiều nhát trúng vào đầu, tay và lưng Đ; Nguyễn Đông H xuống xe cầm súng chĩa vào người Đ uy hiếp; Nguyễn Trung N xông tới cầm rựa chém vào chân Đ; Nguyễn N T chạy xe đến vút xe ngã xuống đường, cầm 02 dao phay xông vào chém 04 nhát vào tay, vai, lưng của Đ; Nguyễn Lê Thanh B điều khiển xe máy tông thẳng vào người Đ làm Đ ngã xuống. Đ vùng dậy, chạy qua bên kia đường thì các đối tượng tiếp tục đuổi theo, khi Đ chạy đến trước quán cà phê Hoàng Gia trên đường C thì Đ và T tiếp tục dùng dao, rựa chém vào lưng và vai Đ. Khi Đ đang khom người thì B tiếp tục chạy xe đến tông vào người Đ, làm Đ ngã xuống, H dùng chân đạp nhiều cái vào mặt và ngực Đ làm Đ gục tại chỗ. Lúc này, Nguyễn Thanh P chở Đỗ Quốc T ngồi giữa và Trần Bảo Đ ngồi sau, Hồ N Thuận điều khiển xe Airblade màu đỏ trắng cũng có mặt tại hiện trường, tuy nhiên việc đánh Đ đã kết thúc, cả nhóm quay lại trước Trung tâm S Fitness lấy xe về lại nhà T. Khi về nhà T thì cả nhóm kể lại việc đánh chém Đ gục tại

chỗ cho T nghe, T bảo Nguyễn Đông H, Nguyễn Trung N, Nguyễn Công Đ, Nguyễn N T đi trốn vài ngày, khi nào im thì về, các đối tượng này đi trốn tại Gia Lai, đến ngày hôm sau thì Nguyễn Đông H về trước, 03 ngày sau thì N, Đ, T về lại nhà T.

Phạm Hồng Đ được đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi cấp cứu, sau đó chuyển đến Bệnh viện Đà Nẵng điều trị.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 74/TgT, ngày 07/5/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Ngãi kết luận thương tích đối với bị hại Đ:

- Tụ máu dưới màng cứng bán cầu trái: 25%.
- Vỡ xương sọ đỉnh trái: 7,5%.
- Gãy xương trụ trái: 4,05%.
- Vết thương khuỷu tay trái: 0,63%.
- Vết thương khuỷu tay phải: 0,62%.
- Vết thương đầu: 0,62%.

Tổng cộng: 38,42%, làm tròn số = 38%.

Các tổn thương trên phù hợp với vật sắc nhọn gây thương tích. Tại thời điểm giám định chưa đánh giá được chức năng thần kinh sau chấn thương sọ.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích (*bổ sung*) số: 242/TgT, ngày 27/12/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Ngãi, kết luận thương tích của Phạm Hồng Đ là 38,42%, làm tròn số = 38%; khám thần kinh hiện tại không thấy bệnh lý. Ngày 10/6/2019, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Q tiến hành khám xét chỗ ở và địa điểm xung quanh chỗ ở của Nguyễn T, thu giữ nhiều hung khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và vũ khí.

Ngày 20/6/2019, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Q ra Quyết định trưng cầu giám định số 136, giám định đối với 01 khẩu súng ngắn, màu bạc, áp nhựa báng súng màu đen, súng dài 16,5cm, rộng 12cm, buồng đạn không có đạn; 04 viên đạn có mã số từng viên là S & B-14-9X18.

Tại Kết luận giám định số 548/KLGD-PC09 ngày 03/7/2019 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, kết luận: Khẩu súng là vũ khí quân dụng (*loại súng K59*). Sử dụng đạn tiêu chuẩn cỡ 9 x 18mm bắn thực nghiệm trên khẩu súng, kết quả đạn không nổ do lực đập của búa đập vào kim hỏa và vào hạt nổ tương đối yếu. 04 viên đạn đã có dấu vết kim hỏa tác động vào hạt nổ nhưng đạn không nổ, là đạn tiêu chuẩn cỡ 9 x 18mm, sử dụng được cho súng K59, CZ83, P64....Ngày 28/02/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi trưng cầu giám định số 187, xác định dấu vết kim hỏa tác động trên hết 04 viên đạn (*có mã số từng viên là S & B-14-9X18*) có phải do kim hỏa của khẩu súng K59 thu giữ tại nhà Nguyễn T tác động lên hay không.

Tại Kết luận giám định số 167/KLGD-PC09, ngày 07/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận: Dấu vết kim hỏa tác động một lần trên hạt nổ của 01 (một) viên đạn có ký hiệu S&B-14-9X18 gửi đến giám định chính là do kim hỏa của khẩu súng ngắn K59 gửi đến giám định tác động tạo ra. 03 (ba) viên đạn còn lại có dấu vết kim hỏa tác động trên hạt nổ nhiều lần, không đủ yếu tố giám định truy nguyên đồng nhất.

Ngày 20/6/2019, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Q ra Quyết định trưng cầu giám định số 135, giám định đối với: 01 đế báng súng và bộ nòng súng bằng gỗ, dài 16,5cm, rộng nhất 11,5cm; 01 nòng súng bằng kim loại dài 39,3cm, rộng nhất 4,8cm, lỗ

nòng đầu nhỏ 2,2cm, đầu lớn 2,7cm; 01 ốp lót tay dưới bằng gỗ dài 23,5cm, rộng 3,1cm; 03 vật hình trụ màu xanh, đầu gắn kim loại.

Tại Kết luận giám định số 547/KLGD-PC09, ngày 28/6/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận: Các bộ phận được gửi giám định là các bộ phận của súng săn, khi lắp ráp chúng lại với nhau thì tạo thành khẩu súng săn, không phải vũ khí quân dụng. Súng còn sử dụng để bắn được bình thường. 03 vật hình trụ màu xanh là đạn sử dụng cho súng săn. Loại đạn này sử dụng để bắn được cho khẩu súng này.

Ngày 20/6/2019, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Q ra Quyết định trưng cầu giám định số 137, giám định đối với 01 báng súng bằng gỗ dài 27,5cm, rộng 9cm, dày 3cm; 01 thanh súng bằng kim loại dài tổng thể 35,5cm, rộng nhất 19cm, tay cầm độ bằng ống kim loại hình trụ tròn; 02 đoạn nòng súng bằng kim loại: đoạn 1 dài 41cm, đường kính 2,2cm; đoạn 2 dài 46cm, đường kính 1,7cm, có độ đầu ruồi dài 3cm; 01 lò xo hợp tiếp đạn dài 31,5cm, rộng 5,7cm; 01 thanh kim loại hình trụ vuông dài 34,5cm, mỗi cạnh rộng 02cm, một đầu thanh kim loại hàn gắn đầu cà lê; 10 viên đạn AK47, trong đó: 06 viên có ký hiệu 539-79, 02 viên có ký hiệu 539-70, 01 viên có ký hiệu 711-81, 01 viên bị han gỉ không rõ ký hiệu.

Tại Kết luận giám định số 549/KLGD-PC09, ngày 06/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận: Các bộ phận gửi giám định gồm: thân súng, khóa nòng, hộp tiếp đạn, thước ngắm, cò là các bộ phận của vũ khí quân dụng (loại súng AK47); các bộ phận: báng súng, tay cầm, vòng bảo vệ cò, nòng súng là các bộ phận tự chế. Lắp ráp các bộ phận trên lại với nhau tạo thành khẩu súng dài 1,40m. Đây là khẩu súng tự chế, đã cũ, han gỉ nặng, không còn sử dụng để bắn được. 10 viên đạn là loại đạn tiêu chuẩn cỡ 7,62x39mm, sử dụng để bắn được cho súng AK47, CKC, K63, RPD...

Ngày 16/12/2019, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi ra Quyết định trưng cầu giám định số 115/QĐ-CSĐT giám định lựu đạn.

Tại Kết luận giám định số 1242/C09C, ngày 26/12/2019 của Viện Khoa học Hình sự kết luận: 0 vật (*dạng quả lựu đạn*), vỏ bằng kim loại màu cam, trên thân có dòng chữ LĐ-01-TAP X55-12 gửi giám định là mô hình lựu đạn dùng trong huấn luyện quân sự, còn sử dụng được. Mô hình lựu đạn này không phải là vũ khí quân dụng cũng như công cụ hỗ trợ. 01 vật (*dạng quả lựu đạn*), vỏ bằng nhựa màu xanh, trên vỏ có dán tem ghi: LỰU ĐẠN KHÓI CD-1, SX 11-2005; HSD: 11-2010; LÔ: 01-05 XN61. Thân hình trụ tròn bằng nhựa màu đen nằm bên trong vỏ, trên thân có dòng chữ: LĐ KHÓI CD-1, SX 11-05; HSD: 11-10 XN61 gửi giám định là lựu đạn khói, đã hết hạn sử dụng. Lựu đạn khói này là công cụ hỗ trợ.

Ngày 21/10/2019, Cơ quan CSĐT công an tỉnh Quảng Ngãi ra Quyết định trưng cầu giám định số 93, giám định dữ liệu kỹ thuật số đối với đoạn video trích xuất từ camera của Trung tâm S Fitness – GYM, địa chỉ: số 06-12 C, Tp Quảng Ngãi và tại quán Cà phê bánh Hoàng Gia, địa chỉ: số 162 Nguyễn Nghiêm (ngã ba đường C – Nguyễn Nghiêm) Tp Quảng Ngãi.

Kết luận giám định số 812, ngày 11/11/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận: Trích xuất dữ liệu hình ảnh lưu trữ trong đĩa DVD có ghi dòng chữ “Trung tâm S Fitness – GYM”, trong thư mục “5.1.Saigonfitness” trích xuất có 22 hình ảnh từ các tập tin video có tên “saigonfitness\_cam1.mp4”, dung lượng 145 Mb; “saigonfitness\_cam2 1hden1h38.mp4”, dung lượng 215 Mb (Có bản ảnh kèm theo).

Trích dữ liệu hình ảnh lưu trữ trong đĩa DVD có ghi dòng chữ “*Quán Cà phê bán Hoàng Gia*”, trong tập tin video có tên “01.00.00-M.av” dung lượng 21.7 Mb trích xuất có 05 hình ảnh liên quan đến nội dung vụ việc (*Có bản ảnh kèm theo*).

Ngày 18/12/2019, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi ra Quyết định trưng cầu giám định số 117, xác định vị trí di chuyển của các đối tượng trong các tập tin video gửi giám định.

Tại Kết luận giám định số 10, ngày 10/01/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận: Vị trí di chuyển của các đối tượng được đánh số thứ tự từ số 01 đến số 11 và đánh dấu “x” phù hợp và liên tục với các đối tượng di chuyển trong mẫu so sánh.

Cơ quan điều tra tiến hành cho các bị cáo Nguyễn Trung N, Nguyễn N T, Nguyễn Lê Thanh B, Huỳnh Anh T, Hồ Quý L, Huỳnh Công T1 nhận dạng vật (*súng*), xác định: Khẩu súng K59 mà Nguyễn Đông H sử dụng là của Nguyễn T, khẩu súng này T giao cho Nguyễn Trung N cất giấu tại nhà T. T hành cho các bị cáo nhận dạng qua 03 đoạn video thu từ camera tại Trung S Fitness – GYM và camera tại quán Cà phê bánh Hoàng Gia, bị cáo Huỳnh Công T1, Nguyễn Trung N, Hồ Quý L, Huỳnh Anh T, Nguyễn Lê Thanh B, Nguyễn N T, Nguyễn Công Đ xác định từng bị cáo và đồng phạm đánh chém Phạm Hồng Đ vào ngày 04/5/2019 tại đường C, thành phố Q.

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Trung N, Huỳnh Anh T, Nguyễn Lê Thanh B, Nguyễn N T, Nguyễn Công Đ, Huỳnh Công T1, Hồ Quý L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 999/CT-VKS ngày 07/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố:

- Nguyễn Đông H về các tội “*Giết người*” và “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*” theo điểm n, p khoản 1 Điều 123 và điểm h khoản 2 Điều 304 Bộ luật hình sự;
- Nguyễn T, Nguyễn Trung N về các tội “*Giết người*” và “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” theo điểm n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự;
- Nguyễn Công Đ, Nguyễn N T, Nguyễn Lê Thanh B, Huỳnh Anh T, Hồ Quý L, Huỳnh Công T1 về tội “*Giết người*” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự;

**Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 04/01/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:**

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn T, Nguyễn Trung N phạm tội “*Giết người*” và tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”; bị cáo Nguyễn Đông H phạm tội “*Giết người*” và tội “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”; các bị cáo Nguyễn Công Đ, Nguyễn N T, Nguyễn Lê Thanh B, Huỳnh Anh T, Huỳnh Công T1, Hồ Quý L phạm tội “*Giết người*”.

**1. Đối với bị cáo Nguyễn T:**

- Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 38; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn T 09 (chín) năm tù về tội “*Giết người*”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 304; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn T 03 (*ba*) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Nguyễn T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 12 (*mười hai*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/6/2019.

## **2. Đối với bị cáo Nguyễn Đông H:**

- Áp dụng: Điểm n, p khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 38; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đông H 12 (*mười hai*) năm tù về tội “*Giết người*”.

- Áp dụng: Điểm h khoản 2 Điều 304; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đông H 05 (*năm*) năm tù về tội “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Đông H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 17 (*mười bảy*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/5/2019.

## **3. Đối với bị cáo Nguyễn Trung N:**

- Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 38; khoản 3 Điều 57; Điều 58; Điều 91; khoản 4 Điều 98; khoản 1 Điều 101; khoản 1, khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung N 06 (*sáu*) năm tù về tội “*Giết người*”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 304; Điều 17; Điều 38; Điều 91; khoản 4 Điều 98; khoản 1 Điều 101; khoản 1, khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung N 01 (*một*) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”.

Áp dụng Điều 55; Điều 103 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Trung N phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 07 (*bảy*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/5/2019.

## **4. Đối với bị cáo Nguyễn N T:**

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn N T 09 (*chín*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/6/2019.

## **5. Đối với bị cáo Nguyễn Lê Thanh B:**

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Lê Thanh B 07 (*bảy*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/7/2019.

## **6. Đối với bị cáo Huỳnh Anh T:**

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Anh T 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/7/2019.

#### **7. Đối với bị cáo Hồ Quý L:**

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Hồ Quý L 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tuyên án (04/01/2021) và được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 21/7/2019 đến ngày 11/12/2019.

Căn cứ khoản 2 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử Quyết định bắt, tạm giam bị cáo Hồ Quý L tại phiên tòa để đảm bảo cho việc thi hành án.

#### **8. Đối với bị cáo Huỳnh Công T1:**

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 58; Điều 91; khoản 4 Điều 98; Điều 101; khoản 1, khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Công T1 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2019 đến ngày 11/9/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Công Đ, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí.

- Ngày 06 tháng 01 năm 2021, các bị cáo Nguyễn Trung N, Nguyễn N T, Huỳnh Công T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 12 tháng 01 năm 2021, các bị cáo Nguyễn T, Nguyễn Đông H, Hồ Quý L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 15 tháng 01 năm 2021, các bị cáo Nguyễn Lê Thanh B, Huỳnh Anh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết. Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm:

+ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trung N, Nguyễn N T, Nguyễn Lê Thanh B và Huỳnh Anh T.

+ Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn T, Nguyễn Đông H, Huỳnh Công T1, Hồ Quý L và sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Nguyễn T, Nguyễn Trung N, Nguyễn Đông H, Nguyễn N T, Nguyễn Lê Thanh B, Huỳnh Anh T, Huỳnh Công T1, Hồ Quý L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định.

[2] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Xuất phát từ việc các bị cáo Nguyễn Trung N, Nguyễn N T và Nguyễn Công Đ gây sự và đánh bị hại Phạm Hồng Đ, làm cho Đ bức tức và cầm súng đến nhà bị cáo Nguyễn T để tìm bị cáo Nguyễn Trung N và đe dọa bị cáo Nguyễn Lê Thanh B.

Sau khi bị bị hại Đ đe dọa, các bị cáo trong vụ án thông tin cho nhau và tụ tập tại nhà bị cáo T để tìm đánh Đ. Mặc dù, biết được bị hại Đ đã bị các bị cáo Nguyễn Trung N, Nguyễn N T và Nguyễn Công Đ gây sự đánh trước đó nhưng theo sự xúi giục và giúp sức của bị cáo Nguyễn T; các bị cáo Nguyễn Đông H, Nguyễn Trung N, Nguyễn Công Đ, Nguyễn N T, Nguyễn Lê Thanh B, Huỳnh Anh T, Hồ Quý L, Huỳnh Công T1 mang hung khí (*kiếm, dao phay, rựa*) và vũ khí (*súng K59*) đến đường C, Trung tâm S Fitness dùng súng bắn, hung khí đánh chém và dùng xe mô tô tông vào người bị hại Đ; gây thương tích đối với bị hại Phạm Hồng Đ, tỷ lệ là 38,42%.

Như vậy, nguyên nhân gây ra vụ án là do các bị cáo và hậu quả thương tích đối với bị hại Phạm Hồng Đ cũng do các bị cáo gây ra. Cho nên, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn T, Nguyễn Trung N phạm tội “*Giết người*” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự và tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Đông H phạm tội “*Giết người*” theo các điểm n, p khoản 1 Điều 123 và tội “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*” theo điểm h khoản 2 Điều 304 Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn N T, Nguyễn Lê Thanh B, Huỳnh Anh T, Huỳnh Công T1, Hồ Quý L phạm tội “*Giết người*” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn T biết được lý do bị hại Đ đến nhà của T nhưng xúi giục các bị cáo, cung cấp vũ khí, hung khí đến Quảng trường chém bị hại Đ nên hành vi của bị cáo Nguyễn T mang tính chất côn đồ. Luật sư bào chữa của bị cáo T cho rằng không có tính chất côn đồ là không thể chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[3.1] Đây là vụ án mang tính chất băng nhóm, sử dụng vũ khí và hung khí nguy hiểm (*dao phay, rựa, kiếm, súng K 59*); sử dụng súng K 59 bắn; sử dụng dao phay, rựa chém liên tiếp vào đầu, lưng, vai, tay, chân của bị hại và dùng xe mô tô tông nhiều lần vào người bị hại thể hiện tính côn đồ, hung hãn, xem thường tính mạng sức khỏe người khác và bất chấp pháp luật. Mặt khác, khi khám xét nơi ở của bị cáo Nguyễn T đã thu giữ nhiều vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ, hung khí nguy hiểm đã cho thấy vụ án mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng và phải xử lý nghiêm mới đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm và góp phần giữ vững trật tự an toàn xã hội; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhân dân.

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Đông H phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là khó cải tạo giáo dục nên phải có hình phạt cao mới có tác dụng răn đe, giáo dục.

[3.2] Vai trò, mức độ tham gia vụ án đối với từng bị cáo như sau:

- Bị cáo Nguyễn T có vai trò xúi giục, giúp sức tích cực cho đồng bọn đánh chém bị hại Phạm Hồng Đ và tàng trữ vũ khí quân dụng.

- Bị cáo Nguyễn Đông H thực hiện tội phạm tích cực nhất: Đi tìm bị hại, dùng rựa chặt ổ khóa nhà bị hại; thách thức đánh Đ và dùng súng K 59 bắn về phía Đ; chữa

súng vào người bị hại Đ uy hiếp để tạo điều kiện cho đồng bọn chém và đập nhiều cái vào người bị hại.

- Bị cáo Nguyễn Trung N là người thực hành tích cực, người trực tiếp thách thức bị hại, là nguyên nhân dẫn đến bị hại Đ cầm súng đến nhà bị cáo T và đánh bị hại đầu tiên, dùng rựa chém vào chân của bị hại Đ. Bên cạnh đó, Nguyễn Trung N là người cùng với bị cáo Nguyễn T tàng trữ vũ khí quân dụng.

- Các bị cáo Nguyễn N T, Nguyễn Lê Thanh B có vai trò thực hành tích cực, trực tiếp dùng dao, rựa chém nhiều nhát vào vai, lưng, tay bị hại Đ; điều khiển xe mô tô tông nhiều lần vào người bị hại Đ.

- Bị cáo Huỳnh Anh T tuy không trực tiếp gây thương tích cho bị hại Đ nhưng là người giúp sức chở bị cáo H cầm rựa đi tìm bị hại Đ và bị cáo H cầm súng K 59 đe dọa, đánh chém bị hại Đ và là người trực tiếp điện thoại cho bị cáo L đến nhà của bị cáo T để tham gia đánh nhau.

- Các bị cáo Huỳnh Công T1, Hồ Quý L có hành vi tham gia chở và mang theo hung khí đi tìm bị hại; tham gia ví dụ bị hại. Các bị cáo T1 và L không có hành vi đánh chém gây thương tích cho bị hại và đã bỏ về trước đó nhưng đã giúp sức cho đồng bọn thực hiện tội phạm, không có hành động ngăn chặn.

[3.3] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Đông H khai báo về hành vi đánh chém người bị hại; người bị hại đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Đông H và Nguyễn T; bị cáo Nguyễn T bồi thường thiệt hại cho người bị hại.

Bị cáo Nguyễn Trung N: Đầu thú; tích cực phối hợp với Cơ quan điều tra để phát hiện tội phạm; thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Lê Thanh B, Huỳnh Anh T, Huỳnh Công T1, Hồ Quý L, Nguyễn N T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường cho người bị hại và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo T1 có cha là người có công với cách mạng.

Các bị cáo Huỳnh Công T1, Nguyễn Trung N khi thực hiện hành vi phạm tội đều là người chưa thành niên nên áp dụng các quy định của pháp luật đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để xem xét cho các bị cáo.

Trong vụ án này, hậu quả chết người chưa xảy ra nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015 về phạm tội chưa đạt đối với các bị cáo.

[3.4] Với tính chất đặc biệt nghiêm trọng của vụ án; vai trò và mức độ tham gia của từng bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ nêu trên; Tòa án cấp sơ thẩm quyết định xử phạt bị cáo Nguyễn T 09 năm tù về tội “*Giết người*” và 03 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”; bị cáo Nguyễn Đông H 12 (mười hai) năm tù về tội “*Giết người*” và 05 (năm) năm tù về tội “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”; bị cáo Nguyễn Trung N 06 (sáu) năm tù, về tội “*Giết người*” và 01 (một) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”; bị cáo Nguyễn N T 09 (chín) năm tù, về tội “*Giết người*”; bị cáo Nguyễn Lê Thanh B 07 (bảy) năm tù, về tội “*Giết người*”; bị cáo Huỳnh Anh T 05 (năm) năm tù, về tội “*Giết người*”; bị cáo Hồ Quý L 03 (ba) năm tù, về tội “*Giết người*” và bị cáo Huỳnh Công T1 02 (hai) năm tù, về tội “*Giết người*” là phù hợp và không nặng.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn T khai nhận hành vi phạm tội “*Giết người*” và tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”. Đây là tình tiết mới để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T đối với tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Trung N khai nhận hành vi phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”, Nguyễn Đông H khai nhận hành vi phạm tội “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”. Tuy nhiên, với mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã quyết định đối với các bị cáo H và bị cáo N là đã có chiều cố. Do đó, HĐXX cấp phúc thẩm không thể chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Đông H và Nguyễn Trung N.

[3] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355 và Điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Trung N, Nguyễn Đông H, Nguyễn N T, Nguyễn Lê Thanh B, Huỳnh Anh T, Huỳnh Công T1, Hồ Quý L;

- Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn T và sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn T.

2/ Xử:

- Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 38; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn T 09 (*chín*) năm tù về tội “*Giết người*”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn T 02 (*ba*) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Nguyễn T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 11 (*mười một*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/6/2019.

- Áp dụng: Điểm n, p khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 38; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đông H 12 (*mười hai*) năm tù về tội “*Giết người*”.

- Áp dụng: Điểm h khoản 2 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đông H 05 (*năm*) năm tù về tội “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Đông H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 17 (*mười bảy*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/5/2019.

- Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 38; khoản 3 Điều 57; Điều 58; Điều 91; khoản 4 Điều 98; khoản 1 Điều 101; khoản 1, khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung N 06 (*sáu*) năm tù về tội “*Giết người*”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 91; khoản 4 Điều 98; khoản 1 Điều 101; khoản 1, khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung N 01 (*một*) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”.

Áp dụng Điều 55; Điều 103 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Trung N phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 07 (*bảy*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/5/2019.

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn N T 09 (*chín*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/6/2019.

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Lê Thanh B 07 (*bảy*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/7/2019.

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Anh T 05 (*năm*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/7/2019.

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Hồ Quý L 03 (*ba*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tuyên án (04/01/2021) và được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 21/7/2019 đến ngày 11/12/2019.

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 58; Điều 91; khoản 4 Điều 98; Điều 101; khoản 1, khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Công T1 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2019 đến ngày 11/9/2019.

3/ Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo Nguyễn Trung N, Nguyễn Đông H, Nguyễn N T, Nguyễn Lê Thanh B, Huỳnh Anh T, Huỳnh Công T1 và Hồ Quý L; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Công Đ, về trách nhiệm dân sự, về án phí sơ thẩm và quyền nghĩa vụ thi hành án đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao – Vụ 1;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV – Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lê Phước Thanh**